

Số: 5463/SYT-NV

Đồng Nai, ngày 10 tháng 8 năm 2022

V/v rà soát, đối chiếu chi phí khám,  
chữa bệnh bảo hiểm y tế từ 2018  
đến 2020 chưa thanh, quyết toán.

Kính gửi: Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế.

Thực hiện Thông báo số 335/TB-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2022 của UBND tỉnh kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Sơn Hùng tại cuộc họp về khó khăn, vướng mắc, các tồn đọng trong việc thanh quyết toán bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh, Sở Y tế có ý kiến như sau:

Đề nghị các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế rà soát, đối chiếu chi phí bảo hiểm y tế từ năm 2018 đến năm 2020 chưa thanh, quyết toán với số liệu do Bảo hiểm xã hội cung cấp theo biểu mẫu đính kèm; nêu rõ lý do chưa được thanh, quyết toán; đề xuất giải pháp cụ thể từng lý do để có hướng giải quyết hiệu quả.

Văn bản báo cáo gửi về Sở Y tế **trước ngày 15/8/2022**, đồng thời gửi file mềm qua địa chỉ email [phuong.phongqlcl@gmail.com](mailto:phuong.phongqlcl@gmail.com) để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định. Sau thời gian trên, đơn vị không có văn bản báo cáo được hiểu là đơn vị chấp thuận các chi phí mà cơ quan Bảo hiểm xã hội từ chối thanh, quyết toán và cũng không có khó khăn, vướng mắc trong việc thanh, quyết toán chi phí khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế từ năm 2018 đến năm 2020./

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- BGĐ SYT;
- Website SYT;
- Lưu: VT, NV.



**Lê Quang Trung**

UBND TỈNH ĐỒNG NAI

SỞ Y TẾ



**CHI PHÍ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BẢO HIỂM Y TẾ CHƯA THANH, QUYẾT TOÁN NĂM 2018**

(Kèm theo Công văn số 5463 /SYT-NV ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Sở Y tế tỉnh Đồng Nai)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐVT: triệu đồng

STT	Tên cơ sở KCB	Mã cơ sở	Chi phí đề nghị thanh, quyết toán	Chi phí đã thanh, quyết toán	Chi phí chưa đồng ý thanh, quyết toán	Lý do từ chối thanh, quyết toán	Hướng giải quyết
Tổng cộng			2.401.539,04	2.223.809,48	65.687,42		
1	Bệnh Viện Đa Khoa tỉnh Đồng Nai	75001	635.040,37	560.021,82	51.097,00		
2	Bệnh viên đa khoa Thống Nhất	75002	346.236,71	324.448,75	7.418,08		
3	Bệnh viện Phổi Đồng Nai	75005	17.749,61	16.263,37	467,26		
4	Bệnh viện đa khoa KV Long Thành	75008	74.899,32	70.240,21	406,17		
5	Bệnh viện đa khoa KV Long Khánh	75009	168.630,29	153.559,62	5.327,86		
6	Trung tâm y tế huyện Trảng Bom	75012	60.984,73	57.638,87	189,43		
7	Cty TNHH Phòng Khám Đa Khoa Liên Chi	75184	4.239,27	4.021,25	62,00		
8	Cty TNHH Phòng Khám Đa Khoa Hoàng Anh Đức	75187	8.422,58	7.725,70	261,39		
9	Công ty TNHH PKĐK Nguyễn An Phúc	75255	13.096,93	12.457,82	18,10		
10	Cty Cổ phần Phòng Khám Đa Khoa Y Sài Gòn	75267	6.707,18	5.470,33	425,47		
11	Cty TNHH Thủy Trung PKĐK Hoàng Tiến Dũng	75292	4.719,27	4.112,20	14,66		

**CHI PHÍ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BẢO HIỂM Y TẾ CHƯA THANH, QUYẾT TOÁN NĂM 2019**

(Kèm theo Công văn số 5463 /SYT-NV ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Sở Y tế tỉnh Đồng Nai)

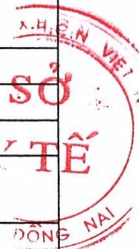
ĐVT: triệu đồng

STT	Tên cơ sở KCB	Mã cơ sở	Chi phí đề nghị thanh, quyết toán	Chi phí đã thanh, quyết toán	Chi phí chưa đồng ý thanh, quyết toán	Lý do từ chối thanh, quyết toán	Hướng giải quyết
<b>Tổng cộng</b>			<b>2.706.769,89</b>	<b>2.391.547,01</b>	<b>185.173,08</b>		
1	Bệnh Viện Đa Khoa tỉnh Đồng Nai	75001	728.823,36	599.916,75	68.328,40		
2	Bệnh viện đa khoa Thống Nhất	75002	362.411,43	333.610,99	22.715,56		
3	Trung tâm y tế TP Biên Hòa	75003	17.574,41	15.832,87	1.285,11		
4	Bệnh viện Phổi Đồng Nai	75005	17.021,94	14.203,59	1.902,03		
5	Bệnh viện đa khoa KV Long Thành	75008	80.965,72	72.176,21	5.805,68		
6	Bệnh viện đa khoa KV Long Khánh	75009	204.176,19	162.743,94	35.686,47		
7	Bệnh viện đa khoa KV Định Quán	75011	86.066,60	82.087,32	976,88		
8	Trung tâm y tế huyện Trảng Bom	75012	67.114,83	54.451,93	10.480,43		
9	Trung tâm Y tế huyện Tân Phú	75014	33.357,11	32.440,98	89,05		
10	Bệnh viện Quân Y 7 B	75021	34.846,97	31.412,63	1.941,29		
11	Trung tâm Y tế huyện Thống Nhất	75026	38.241,47	36.486,44	771,50		
12	Trung tâm Y tế huyện Cẩm Mỹ	75096	47.889,38	46.455,95	415,17		
13	Cty TNHH Phòng Khám Đa Khoa Liên Chi	75184	3.891,92	3.709,92	81,69		
14	Cty TNHH Phòng Khám Đa Khoa Hoàng Anh Đức	75187	6.810,15	6.231,74	210,06		
15	Bệnh viện Y Dược cổ truyền	75232	8.000,01	7.659,36	146,92		
16	Bệnh viện da liễu tỉnh	75234	1.099,65	1.039,77	30,88		
17	Phòng khám trường cao đẳng dạy nghề 8	75236	4.808,06	3.887,32	559,85		
18	Cty TNHH Phòng Khám Đa Khoa Y Đức	75248	13.149,34	10.777,66	1.554,23		
19	Cty TNHH Phòng Khám Đa Khoa Quốc Tế Long Bình	75250	10.212,44	7.980,31	1.498,67		



STT	Tên cơ sở KCB	Mã cơ sở	Chi phí đề nghị thanh, quyết toán	Chi phí đã thanh, quyết toán	Chi phí chưa đồng ý thanh, quyết toán	Lý do từ chối thanh, quyết toán	Hướng giải quyết
<b>Tổng cộng</b>			<b>2.706.769,89</b>	<b>2.391.547,01</b>	<b>185.173,08</b>		
20	Cty TNHH Phòng Khám Đa Khoa ái Nghĩa Đồng Khởi	75252	10.833,86	10.201,77	169,48		
21	Bệnh Viện Tâm Thần Trung Ương 2	75253	3.879,90	3.197,75	549,13		
22	Cty TNHH Phòng Khám Đa Khoa Dân Y	75254	14.531,75	13.307,39	344,93		
23	Công ty TNHH PKĐK Nguyễn An Phúc	75255	12.598,47	9.573,26	2.526,09		
24	Cty TNHH Phòng Khám Đa Khoa Sinh Hậu	75257	7.401,52	6.866,06	165,61		
25	Bệnh Viện Đa Khoa Tâm Hồng Phước	75258	11.225,92	9.221,43	747,20		
26	Cty TNHH Phòng Khám Đa Khoa Y Đức Trị An	75259	18.193,74	15.966,99	1.142,56		
27	Chi nhánh 2- Công ty TNHH Phòng Khám Đa Khoa ái Nghĩa Đồng Khởi-PKĐK ái Nghĩa Long Thành	75260	23.837,74	22.468,99	467,53		
28	Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Đồng Nai	75263	66.136,46	61.978,45	1.795,36		
29	CN CTY Cổ phần thương mại dịch vụ Huỳnh Phụng- PKĐK Hoàng Dũng	75265	11.103,24	8.803,66	1.562,09		
30	Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế chấn thương chỉnh hình Sài Gòn - Đồng Nai	75266	89.931,10	87.175,58	1.199,51		
31	Cty Cổ phần Phòng Khám Đa Khoa Y Sài Gòn	75267	7.113,26	6.578,70	221,86		
32	Phòng khám đa khoa Phúc Trạch	75269	6.157,11	5.181,77	410,01		
33	Chi Nhánh 3- Công Ty TNHH Phòng Khám Đa Khoa Ái Nghĩa Đồng Khởi - Pkđk Ái Nghĩa Nhơn Trạch	75270	21.234,34	19.916,49	559,36		
34	Phòng Khám Đa Khoa Trường Cao Đẳng Y Tế Đồng Nai	75273	148,20	128,33	16,07		
35	Phòng khám đa khoa Nhi Sài Gòn (CT TNHH BVĐK Nhi Sài Gòn chi nhánh tại Đồng Nai - Phòng khám đa khoa)	75274	164,42	123,43	27,54		

STT	Tên cơ sở KCB	Mã cơ sở	Chi phí đề nghị thanh, quyết toán	Chi phí đã thanh, quyết toán	Chi phí chưa đồng ý thanh, quyết toán	Lý do từ chối thanh, quyết toán	Hướng giải quyết
<b>Tổng cộng</b>			<b>2.706.769,89</b>	<b>2.391.547,01</b>	<b>185.173,08</b>		
36	Phòng khám đa khoa Tâm An 2 - Chi nhánh Công ty TNHH Xây dựng y tế Tâm An	75275	9.067,03	7.487,49	957,58		
37	Công ty TNHH PKĐK Quốc tế Long Bình - ĐĐKD Phòng khám đa khoa Long Bình	75276	10.863,98	8.057,59	1.887,86		
38	Công ty CP phòng khám đa khoa Duy Khang	75278	6.352,49	5.335,75	159,76		
39	Phòng khám đa khoa Ái Nghĩa Biên Hòa	75279	9.112,82	8.591,97	92,22		
40	Cty TNHH phòng khám đa khoa Ân Khánh Sài Gòn	75280	12.563,34	10.587,20	1.406,52		
41	Công ty TNHH PKĐK Ái Nghĩa Long Khánh	75281	28.972,53	27.836,26	224,40		
42	Công ty TNHH PKĐK Sài Gòn Long Khánh	75282	10.670,55	9.666,79	130,08		
43	Công ty TNHH PKĐK Thành Tâm	75283	6.785,01	6.048,76	170,52		
44	Công ty TNHH PKĐK Tâm Bình An	75284	21.907,84	20.028,10	208,66		
45	Cty TNHH Phòng khám đa khoa Quốc tế Long Bình - Chi nhánh C11	75286	4.778,41	3.512,06	830,98		
46	Cty TNHH bệnh viện Sài Gòn Tam Phước-PKĐK	75287	6.749,87	6.059,73	323,81		
47	Cty TNHH Phòng khám đa khoa Tân Long	75288	19.922,07	17.422,53	1.166,30		
48	Cty TNHH TM DV phòng khám đa khoa Thiện Nhân	75289	9.930,01	9.327,80	51,63		
49	Công ty TNHH phòng khám đa khoa Sài Gòn Tâm Trí	75291	20.386,85	16.916,01	2.097,15		
50	Cty TNHH Thủy Trung PKĐK Hoàng Tiễn Dũng	75292	5.363,07	4.855,35	82,05		
51	Cty TNHH PKĐK Quốc Tế Long Bình_ Chi nhánh Bàu Xéo	75293	7.040,05	5.901,13	370,02		
52	Công ty TNHH MTV Bệnh viện Đại học y dược Shing Mark	75294	63.206,21	58.108,97	2.340,77		
53	Phòng khám đa khoa Tâm An Pouchen	75296	8.585,29	6.735,49	1.307,04		



STT	Tên cơ sở KCB	Mã cơ sở	Chi phí đề nghị thanh, quyết toán	Chi phí đã thanh, quyết toán	Chi phí chưa đồng ý thanh, quyết toán	Lý do từ chối thanh, quyết toán	Hướng giải quyết
<b>Tổng cộng</b>			<b>2.706.769,89</b>	<b>2.391.547,01</b>	<b>185.173,08</b>		
54	công ty TNHH Phòng khám đa khoa An Phúc Sài Gòn	75297	24.885,07	19.851,00	4.134,83		
55	công ty TNHH PKĐK Việt Hương	75298	5.235,65	4.709,48	330,12		
56	Phòng Khám đa khoa - Trung tâm Y tế huyện Long Thành	75299	585,68	511,61	52,64		
57	Phòng Khám Đa Khoa Ái Nghĩa Xuân Lộc	75300	27.558,32	26.276,01	258,95		
58	PHÒNG KHÁM ĐA KHOA DÂN Y BIÊN HÒA	75301	8.302,32	7.594,82	109,91		
59	PHÒNG KHÁM ĐA KHOA ĐÔNG SÀI GÒN - VSLĐ	75302	547,99	206,75	95,06		

**CHI PHÍ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BẢO HIỂM Y TẾ CHƯA THANH, QUYẾT TOÁN NĂM 2020**

(Kèm theo Công văn số 5463 /SYT-NV ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Sở Y tế tỉnh Đồng Nai)

ĐVT: triệu đồng

STT	Tên cơ sở KCB	Mã cơ sở	Chi phí đề nghị thanh, quyết toán	Chi phí đã thanh, quyết toán	Chi phí chưa đồng ý thanh, quyết toán	Lý do từ chối thanh, quyết toán	Hướng giải quyết
<b>Tổng cộng</b>			<b>2.636.596,74</b>	<b>2.237.472,51</b>	<b>179.495,57</b>		
1	Bệnh Viện Đa Khoa tỉnh Đồng Nai	75001	774.581,09	494.900,29	112.667,50		
2	Bệnh viện đa khoa Thống Nhất	75002	346.603,23	326.876,31	14.692,14		
3	Bệnh viện đa khoa KV Long Thành	75008	62.456,18	59.073,86	1.542,74		
4	Bệnh viện đa khoa KV Long Khánh	75009	177.634,57	165.040,48	8.092,77		
5	Bệnh viện đa khoa KV Định Quán	75011	84.263,60	78.714,78	3.272,31		
6	Trung tâm y tế huyện Trảng Bom	75012	59.750,48	52.351,99	5.788,43		
7	Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc	75013	48.912,60	46.105,76	1.594,06		
8	Trung tâm Y tế huyện Tân Phú	75014	31.300,37	30.200,40	462,94		
9	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Cửu	75015	26.497,76	25.179,13	796,26		
10	trung tâm y tế huyện Nhơn Trạch	75020	27.560,19	26.191,12	452,37		
11	Bệnh viện Quân Y 7 B	75021	35.487,84	32.533,46	1.814,95		
12	Trung tâm Y tế huyện Thống Nhất	75026	32.985,46	31.946,84	189,93		
13	Bệnh viện Đa khoa Cao su Đồng Nai	75030	27.792,75	26.907,59	230,84		
14	Cty TNHH Phòng Khám Đa Khoa Liên Chi	75184	3.324,32	3.111,94	76,70		
15	Bệnh viện Y Dược cổ truyền	75232	7.183,25	6.117,20	756,59		
16	Bệnh viện da liễu tỉnh	75234	1.333,33	1.226,66	90,80		
17	Cty TNHH Phòng Khám Đa Khoa Y Đức	75248	13.304,79	12.563,96	230,08		
18	Cty TNHH Phòng Khám Đa Khoa Quốc Tế Long Bình	75250	7.188,68	6.389,61	334,32		
19	Bệnh Viện Tâm Thần Trung Ương 2	75253	4.718,14	2.152,34	2.456,63		
20	Công ty TNHH PKĐK Nguyễn An Phúc	75255	11.904,85	10.408,40	1.135,63		
21	Bệnh Viện Đa Khoa Tâm Hồng Phước	75258	7.490,74	6.114,71	239,20		
22	Cty TNHH Phòng Khám Đa Khoa Y Đức Trị An	75259	16.835,81	16.288,77	24,04		



STT	Tên cơ sở KCB	Mã cơ sở	Chi phí đề nghị thanh, quyết toán	Chi phí đã thanh, quyết toán	Chi phí chưa đồng ý thanh, quyết toán	Lý do từ chối thanh, quyết toán	Hướng giải quyết
	<b>Tổng cộng</b>		<b>2.636.596,74</b>	<b>2.237.472,51</b>	<b>179.495,57</b>		
23	Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Đồng Nai	75263	71.030,25	65.584,22	3.437,31		
24	CN CTY Cổ phần đầu tư phát triển Thiện Bảo Phúc - Phòng khám đa khoa Hoàng Dũng	75265	11.246,81	10.082,08	562,76		
25	Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế chấn thương chỉnh hình Sài Gòn - Đồng Nai	75266	84.904,87	79.550,01	4.209,85		
26	Cty Cổ phần Phòng Khám Đa Khoa Y Sài Gòn	75267	6.322,27	5.892,27	170,91		
27	Phòng khám đa khoa Phúc Trạch	75269	5.217,19	4.436,13	464,16		
28	Công Ty Cp Dịch Vụ Y Tế Bệnh Viện Âu Cơ	75271	1.356,16	1.083,86	137,81		
29	Công Ty TNHH Phòng Khám Đa Khoa Tín Đức	75272	7.437,42	6.391,27	743,10		
30	Phòng khám đa khoa Tâm An 2 - Chi nhánh Công ty TNHH Xây dựng y tế Tâm An	75275	3.973,83	3.694,31	56,88		
31	Công ty TNHH PKĐK Quốc tế Long Bình - ĐĐKD Phòng khám đa khoa Long Bình	75276	8.830,47	6.585,58	1.618,47		
32	Công ty TNHH PKĐK Sài Gòn Long Khánh	75282	8.785,32	7.864,25	363,07		
33	Cty TNHH Phòng khám đa khoa Quốc tế Long Bình - Chi nhánh C11	75286	4.040,08	3.104,25	393,86		
34	Công ty TNHH Phòng khám đa khoa Sài Gòn Tam Phước	75287	6.285,50	5.820,37	120,66		
35	Cty TNHH Phòng khám đa khoa Tân Long	75288	24.854,85	23.276,73	123,84		
36	Cty TNHH TM DV phòng khám đa khoa Thiện Nhân	75289	13.200,50	12.368,18	24,61		
37	Công ty TNHH phòng khám đa khoa Sài Gòn Tâm Trí	75291	20.415,97	19.584,13	201,63		
38	Cty TNHH Thủy Trung PKĐK Hoàng Tiến Dũng	75292	5.627,58	4.950,18	368,34		
39	Cty TNHH PKĐK Quốc Tế Long Bình_ Chi nhánh Bàu Xéo	75293	6.792,51	5.718,61	766,73		
40	Công ty TNHH MTV Bệnh viện Đại học y dược Shing Mark	75294	70.871,24	63.218,21	5.092,11		

STT	Tên cơ sở KCB	Mã cơ sở	Chi phí đề nghị thanh, quyết toán	Chi phí đã thanh, quyết toán	Chi phí chưa đồng ý thanh, quyết toán	Lý do từ chối thanh, quyết toán	Hướng giải quyết
	<b>Tổng cộng</b>		<b>2.636.596,74</b>	<b>2.237.472,51</b>	<b>179.495,57</b>		
41	cty TNHH dịch vụ y tế tam phước- Phòng khám đa khoa	75295	5.513,17	4.281,95	850,68		
42	Phòng khám đa khoa Tâm An Pouchen- chi nhánh công ty TNHH Y khoa Tâm Anh	75296	6.399,19	5.888,50	253,75		
43	công ty TNHH Phòng khám đa khoa An Phúc Sài Gòn	75297	22.939,42	21.140,76	1.185,03		
44	Phòng Khám đa khoa - Trung tâm Y tế huyện Long Thành	75299	3.143,15	2.899,70	151,69		
45	PHÒNG KHÁM ĐA KHOA ĐÔNG SÀI GÒN - VSLĐ	75302	4.089,91	2.615,08	1.195,92		
46	Bệnh Xá Trường Sỹ Quan Lục Quân 2	97109	1.436,33	1.322,05	61,15		

